

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 8 – 2024

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phong

2. Ông Hoàng Văn Tư

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐ-HPT ngày 24/6/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/QĐ-TNPT ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Hoàng T, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: A X, phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Tô E, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Đỗ Hoàng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Thùy D có tự nguyện tìm hiểu vào năm 2019, đến năm 2020 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị Thùy D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu vào khoảng năm 2015, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2020. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị D thuê nhà trọ tại phường B, Quận B để sinh sống. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên vào năm 2022 thì anh T bị bê nợ do chơi đánh bạc nên anh T chuyển về nhà người quen ở Vũng Tàu sinh sống 01 năm, sau đó đến khoảng tháng 12 năm 2023 thì anh T về lại thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng cùng nhau thuê mặt bằng tại phường A, Quận B để kinh doanh. Đến thời điểm sau tết năm 2024 thì anh T thay đổi, anh T xác định có tình cảm với người phụ nữ khác, cắt đứt mọi phương tiện liên lạc với chị D, vợ chồng cũng không còn chung sống hay quan tâm nhau, chị D đã nhiều lần liên hệ với anh T để 2 bên nói chuyện nhưng không được. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị D không đồng ý ly hôn với anh T vì xác định vẫn còn tình cảm với chồng và có nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có vay nợ của chị L (không rõ họ tên và năm sinh) ngụ tại phường B, Quận B tổng số tiền 1.450.000.000đ vào khoảng tháng 8/2022, mục đích vay là để trả nợ cho anh T, khi vay 2 bên không làm giấy tờ, thoả thuận thời hạn trả là ngày 27/7/2024, không thoả thuận lãi suất.

Vay của anh T1 (không rõ họ tên), SN 1984, ngụ tại phường A, Quận B số tiền 775.000.000đ, mục đích vay tiền là để trả nợ cho anh T, khi vay 2 bên không làm giấy tờ, tiền lãi 5.000.000đ/tháng, không thoả thuận thời hạn trả.

Vay của anh T2 (không rõ họ tên), SN 1984, ngụ tại Quận B số tiền 370.000.000đ vào tháng 8/2022, mục đích vay là để kinh doanh vé số, 2 bên không làm giấy tờ, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả tháng 2/2023, tuy nhiên đến nay vợ chồng chị D vẫn chưa trả tiền cho anh T2.

Vay của anh V (không rõ họ tên), SN 1996, ngụ tại Cần Thơ số tiền 300.000.000đ vào năm 2023, mục đích vay là để trả nợ, 2 bên có làm giấy viết tay, không thoả thuận lãi suất, không thoả thuận thời hạn trả trong giấy vay nhưng thoả thuận miệng là vay 3 tháng, tuy nhiên đến nay vợ chồng chị D vẫn chưa trả.

Nhờ bố mẹ của chị D tên Nguyễn N, Trần Thị M vay Ngân hàng dùm số tiền 200.000.000đ, không nhớ rõ thời gian, mục đích vay là để lấy vốn làm ăn, lãi theo lãi suất ngân hàng, 2 bên không làm giấy tờ và không thoả thuận thời hạn trả.

Vay của bà L1 (không rõ họ tên, năm sinh), ngụ tại T, huyện Đ số tiền 386.000.000đ vào năm 2021, mục đích vay là để kinh doanh, 2 bên không làm giấy tờ, không thoả thuận cụ thể tiền lãi và thời hạn trả.

Khi ly hôn, chị D yêu cầu Toà án giải quyết về phần nợ chung theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hoàng T, cho anh T được ly hôn với chị D; Về con chung, tài sản chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Do đương sự không cung cấp được thông tin của những người cho vay nợ nên không xem xét, giải quyết về nợ chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết vấn đề nợ chung bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh Đỗ Hoàng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D, chị D có nơi cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự thì đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D tự nguyện tìm hiểu và chung sống cùng nhau vào năm 2019, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh; do đó hôn nhân giữa anh T và chị D là hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, 2 bên đã không còn chung sống cùng nhau được thời gian dài. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị D, tuy nhiên địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn do trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì đương sự không yêu cầu địa phương tiến hành hoà giải.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tuy anh T và chị D không thống nhất được nguyên nhân mâu thuẫn, chị D không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà xác định anh T và chị D hiện đã không còn chung sống cùng nhau, Tòa án đã tạo điều kiện cho thời gian để 2 bên có cơ hội hoà giải đoàn tụ tuy nhiên chị D không lên tham gia hoà giải, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Tại phiên toà, chị D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng không có biện pháp để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng; hai bên đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị D.

[2.2] Về con chung, tài sản chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập chị D lên làm việc tuy nhiên chị D không lên làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Tại phiên toà, chị D lên tham gia phiên toà và trình

bày vợ chồng trong thời kỳ chung sống vợ chồng có vay nợ của chị L, anh T1, anh T2, anh V, ông N, bà M và bà L1, đồng thời chị D yêu cầu Toà án giải quyết về phần nợ chung trong vụ án.

Xét thấy, yêu cầu của chị D là vi phạm về thời hạn đưa ra yêu cầu giải quyết về nợ chung; sau khi chị D yêu cầu, Toà án thông báo cho chị D cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến thông tin của những người cho vay nợ, tuy nhiên đến thời điểm xét xử chị D vẫn không cung cấp được nên Toà án không xem xét yêu cầu giải quyết về phần nợ chung theo yêu cầu của chị D. Anh T, chị D có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết đối với vấn đề nợ chung bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh Đỗ Hoàng T phải chịu số tiền 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hoàng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hoàng T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 24/12/2020 của UBND phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung, tài sản chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các đương sự có quyền khởi kiện giải quyết về vấn đề nợ chung bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí:

Anh Đỗ Hoàng T phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010180 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- Chi cục THA huyện Đồng Phú;
- Dương sự;
- UBND phường 21;
- Lưu HS;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hằng